

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NTH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NTH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NTH INVESTMENT AND DEVELOPMENT EDUCATION JOINTS TOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NTHH.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107762561

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, số 18 ngách 105/22 phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559     |
| 2.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5820     |
| 3.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết: Các loại dịch vụ phần mềm:<br>- Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;<br>- Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;<br>- Dịch vụ tích hợp hệ thống;<br>- Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;<br>- Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm; | 6202        |
| 5.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8551        |
| 6.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6209        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6311        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 11. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4761        |
| 12. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 14. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8531        |
| 15. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8532        |
| 16. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8510        |
| 17. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8520(Chính) |
| 18. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8552        |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4741        |
| 21. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1820        |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649        |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230        |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử<br>Sàn giao dịch thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |

|     |                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                             | 7320 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý<br>Môi giới thương mại                                                                 | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THẾ NGỌC      | Phòng 307-195 B2 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 210.000    | 2.100.000.000         | 4,200     | 011587314                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                                     | Tổng số           | 210.000    | 2.100.000.000         | 4,200     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CHU THÚY HIỀN        | Số 29/90 Đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 210.000    | 2.100.000.000         | 4,200     | 011488852                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                                     | Tổng số           | 210.000    | 2.100.000.000         | 4,200     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ KIM THANH | Số 2, ngách 41/56, ngõ 41, phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 370.000    | 3.700.000.000         | 7,400     | 011521796                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                                     | Tổng số           | 370.000    | 3.700.000.000         | 7,400     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG     | Số 18, ngách 105/22 phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 210.000    | 2.100.000.000         | 4,200     | 011708610                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                                     | Tổng số           | 210.000    | 2.100.000.000         | 4,200     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                                    |                   |           |                |        |           |  |
|---|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|--------|-----------|--|
| 5 | NGUYỄN THÚY HẰNG | Số 18 ngách 105/22 phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 40,000 | 011761883 |  |
|   |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 40,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                                                    |                   |           |                |        |           |  |
| 6 | PHẠM NGỌC HÙNG   | B18, tập thể FPT, phố Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 1.400.000 | 14.000.000.000 | 28,000 | 010242583 |  |
|   |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 1.400.000 | 14.000.000.000 | 28,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                                                    |                   |           |                |        |           |  |
| 7 | PHẠM NGỌC HÀ     | Phòng 1316, CT5 -X2 khu đô thị Bắc Linh Đàm mở rộng, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 600.000   | 6.000.000.000  | 12,000 | 012904811 |  |
|   |                  |                                                                                                                    | Tổng số           | 600.000   | 6.000.000.000  | 12,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                                                    |                   |           |                |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÚY HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011761883

Ngày cấp: 02/12/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18 ngách 105/22 phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 18 ngách 105/22 phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội